

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số 53 /2019/DSST

Ngày: 16/10/2019

V/V: Tranh chấp HĐvay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập - tự do - hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA TỈNH BẮC GIANG

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Ông Hà Văn Vinh.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Xuân Hoàng
2/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan –Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa;

Ông: Ông Văn Chúc KSV

Ngày 16 tháng 10 năm 2019. Tại trụ sở toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà.
Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2019/TLST –DS về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản ngày 28 tháng 5 năm 2019 Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn; Anh Hà Quang D, sinh năm 1980 có mặt

Địa chỉ: khu 2, thị trấn thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Chị Vũ Thị L sinh năm 1984 có mặt

Địa chỉ Thôn Long Mỹ, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Vũ Thị Thu T sinh năm 1983 có mặt

Địa chỉ: khu 2, thị trấn thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ, bản tự khai và các lời khai tại Toà án, cũng như trước phiên tòa công khai sơ thẩm hôm nay anh D trình bày; Gia đình anh và chị Lan là quan hệ họ hàng vợ anh và chị L là con anh con em cho nên ngày tháng anh không nhớ chị L có sang gia đình anh vay tiền nói là để kinh do vì vậy ngày 16/10/2014 vợ chồng anh đã cho chị L vay số tiền 720.000.000đ khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Sau khi thống nhất vợ chồng chị đã cho chị L vay 720.000.000đ khi giao tiền hai bên có viết giấy vay tiền đề ngày 16/10/2014 (AL) sau đó một tháng anh đòi chị L nhiều lần không được tháng 02 năm 2017 anh vào miền nam tìm chị L đòi nhưng chị L vẫn xin khát. Nay anh xác định chị L vay anh 720.000.000đ chưa trả và anh yêu cầu chị L trả anh 720.000.000đ gốc và lãi từ 02/2017 cho đến nay theo lãi suất 10%/năm. Tại Phiên tòa anh không yêu cầu chị L trả lãi mà anh chỉ yêu cầu chị

L trả anh 720.000.000đ ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Bản tự khai, lời khai tại tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị L trình bày; Chị và chị T là chị em con anh con em do làm ăn cho nên năm chị không nhớ chị đã vay chị T tiền nhiều lần từ trước ngày 16/10/2014 AL tổng là 420.000.000đ với lãi là 2.500 đ/1triệu/ ngày chị đã trả anh Dũng, chị T được tiền lãi nhiều lần cụ thể chị không nhớ sau đó chị không trả được cho nên ngày 16/10/2014 AL chị T yêu cầu viết giấy vay tiền ngày 16/10/2014 AL chị nợ chị T 720.000.000đ. Giấy do chị T anh D xuất trình là do chị viết và ký nay chị xác định chị có nợ chị T anh D 720.000.000đ trong đó gốc 420.000.000đ và lãi 300.000.000đ theo lãi ngày. Đến nay chị không có giấy tờ gì xác định vay lãi ngày với chị T chỉ nói với nhau bằng miệng. Nay anh DChị T yêu cầu chị trả 720.000.000đ gốc và lãi từ 16/10/2014 (tức ngày 7/12/2014 DL)cho đến nay theo lãi xuất 10%/năm chị chỉ đồng ý trả 420.000.000đ tiền gốc nhưng xin trả dần, còn 300.000.000đ là lãi ngày chị không đồng ý trả. Ngoài ra anh D yêu cầu lãi 10%/ năm chị đề nghị vợ chồng anh D cho chị xin vì chị đã trả lãi ngày nhiều mặc dù không có thỏa thuận về lãi kể cả trong giấy vay nợ.

Chị T trình bày; Chị nhất trí với ý kiến của anh D. Nay chị chỉ đề nghị chị L trả cho chị 720.000.000đ Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa phát biểu;

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa sơ thẩm đã đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, các đương sự chấp hành cơ bản đúng quy định của pháp luật

-Về nội dung vụ án: căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điều 271,khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466 khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh D, chị T, số tiền 720.000.000 đồng gốc.

-Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị VũThị L khi vay tiền của anh D, chị T lúc

đó chị ở khu 2 thị trấn Thắng trong quá trình làm ăn chị đã vào Thôn Long Mỹ, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định sinh sống. Sau khi anh D có đơn khởi kiện chị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Mặc dù chị L vẫn ở huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định nhưng chị L và anh D đã có đơn thỏa thuận Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết vụ án anh D khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị L cho nên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh Hà Quang D và chị Vũ Thị L là đúng thẩm quyền và phù hợp với điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Theo anh D, chị T trình bày; Gia đình anh Dũng, chị T và gia đình chị L là họ hàng chị T và chị L là chị em con anh, con em cho nên chị T và anh D mới cho chị L vay tiền, khi vay hai bên thỏa thuận với nhau là không lãi và không hẹn ngày trả, vì là chị em mà chỉ nói với nhau là khi nào cần trả. Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp vay không kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 469 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa anh D, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc chị L trả cho anh D, chị T số tiền 720.000.000 đồng gốc đã vay vào ngày 16/10/2014. Tại tòa án cũng như tại phiên tòa anh D chị T đã cung cấp cho Tòa án “Giấy vay tiền” đề ngày 16/10/2014 do chị L viết và ký với nội dung chị L vay của vợ chồng anh D chị T 720.000.000đ ngày 16/10/2014 không lãi, không thời hạn trả. Chị L xác định Giấy vay tiền đề ngày 16/10/2014 AL là do chị viết và ký và chị xác định có nợ chị T, anh D 720.000.000đ nhưng chỉ xác định vay 420.000.000đ còn lại 300.000.000đ là lãi ngày cộng dồn và chị đã trả lãi cho chị T đầy đủ. Nhưng đầu năm 2014 do kinh tế khó khăn cho nên không nộp được lãi vì vậy cả lãi, gốc là 720.000.000đ. Chị không có chứng cứ nào khác là chị vay tiền chị T lãi 2.500đ/1 triệu /ngày mà chỉ nói miệng với nhau chị T và anh D lại không thừa nhận. Như vậy Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự đã có đủ căn cứ xác định chứng cứ mà anh D, chị T cung cấp là hợp lệ và đã có đủ căn cứ xác định chị Lan vay vợ chồng anh D, chị T 720.000.000đ đến nay chưa trả. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh D là hoàn toàn có căn cứ cần chấp nhận nên anh D, chị T yêu cầu chị Lan trả 720.000.000đ là phù hợp với khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu của vợ chồng anh D, chị T về lãi thấy rằng anh D chị T đều xác định chị L là em con chú chị T cho nên cả anh D và chị T đều đề nghị không yêu cầu lãi xuất đối với chị L từ khi vay đến nay. Xét thấy việc chị T, anh D không yêu cầu lãi xuất đối với chị L là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật cần chấp nhận

[4] Về án phí: Do yêu cầu của anh D được chấp nhận cho nên anh D không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả anh D tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D là phù hợp với pháp luật cần chấp nhận

Từ lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Quang D.

Buộc chị Vũ Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán trả anh Hà Quang D chị Vũ Thị Thu Tsố tiền là 720.000.000đ (bảy trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Về án phí: Buộc chị Vũ Thị L phải chịu 32.800.000 đ (ba hai triệu tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hà Quang D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Hà Quang D 18.000.000đ (mười tám triệu đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000169 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- Đương sự
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Văn Vinh

